TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KONTUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HNGĐ-PT.
Ngày 30-10-2018.
V/v *"Ly hôn".*

NHÂN DANH

NỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KONTUM

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thành Lê
- Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tiến Tăng

Ông Huỳnh Nguyên.

- Th ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Loan - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh KonTum.

- Đại diện VKSND tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Trung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh KonTum, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2018/TLPT-HNGĐ ngày 31 thangs 8 năm 2018 về "Ly hon".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 47/2018/HNGĐ-ST ngày 25/7/2018 của Toà án nhân dân thành phố KonTum bị kháng cáo.

Theo quyết định đa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1138/2018/QĐ-PT ngày 11/10/2018, giữa các bên đơng sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị Tuyết H, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ (mới): 36 Lý Thường Kiệt, thành phố K, tỉnh K.

2. Bị đơn: Anh Trần Anh T, sinh năm 1965 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 145 Lê Hồng Phong, thành phố K, tỉnh Kon T.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết H.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm, nội dung vụ ỏn như sau:

- *Nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết H trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị (Lê Thị Tuyết H) và anh Trần Anh T tự nguyện kết hôn và đã được Uỷ ban nhân dân phường Quyết Thắng, thị xã K (nay là thành phố K), tỉnh K cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/6/1994. Sau khi kết hôn, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nhưng trầm trọng nhất là từ năm 2016 đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Gia đình, dòng họ nhà anh T coi thường, có lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng chị H nên hai bên không nhìn mặt nhau. Anh T không cố gắng giải quyết mâu thuẫn này nên anh chị mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến nhau và sống như ly thân khoảng 02 năm nay. Trong đời sống chung, vợ chồng chị cũng không xảy ra cãi vã, đánh nhau; mâu thuẫn chủ yếu là do cách sống giữa hai bên không phù hợp. Chị H cảm thấy không thể hòa hợp được với gia đình nhà chồng, không thể tiếp tục chung sống với anh T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị Lê Thị Tuyết H và anh Trần Anh T có 02 con chung là Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 23/12/1994 và Trần Thị Nhật H, sinh ngày 26/5/1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

- *Bị đơn anh Trần Anh T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Về thời gian và địa điểm đăng ký kết hôn, anh Trần Anh T thống nhất như chị Lê Thị Tuyết H trình bày. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa chị H và gia đình anh T có xảy ra mâu thuẫn, bất hòa. Anh chị lại ít nói chuyện dẫn đến việc chị H phải suy nghĩ nhiều. Anh T đã cố gắng nói chuyện với gia đình mình để giải quyết mâu thuẫn. Hiện nay, anh Tuấn vẫn đang cố gắng để xóa bỏ mâu thuẫn này. Nay chị H yêu cầu ly hôn, anh T không đồng ý. Bởi lẽ, mâu thuẫn giữa anh chị là không đáng kể, anh T vẫn còn tình cảm với chị H, mong chị suy nghĩ lại để gia đình được đoàn tụ, con cái có cha có mẹ. Đề nghị Tòa án cho anh chị thêm thời gian và cơ hội để giải quyết mâu thuẫn, đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh Trần Anh T và chị Lê Thị Tuyết H có 02 con chung là Trần Thị Cẩm T, sinh ngày 23/12/1994 và Trần Thị Nhật H, sinh ngày 26/5/1999. Các con chung đều đã trưởng thành nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Với nội dung trên, tại bản án số 47/2018/HNGĐ-ST ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố K đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xử:

Không chấp nhận đơn khởi kiện về việc "Ly hôn" của chị Lê Thị Tuyết H, đơn đề ngày 06/3/2018.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí; quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo.

Ngày 07/8/2018, nguyen đơn chị Le Thị Tuyết H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 10/10/2018, anh Trần Anh T có văn bản: đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Tuyết H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh K có ý kiến việc bị đơn Trần Anh T đồng ý ly hôn theo nguyện vọng của nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết H là sự tự nguyện thỏa thuận không trái đạo đức xã hội, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận, sửa án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại Tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Ở cấp phúc thẩm, chị H và anh T đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án theo văn bản ngày 10/10/2018 của bị đơn, cụ thể: Anh T đồng ý ly hon với chị H theo yeu cầu của chị H.

Xét thấy sự thỏa thuận của các đơng sự l□ tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội nên Hội đồng xột xử chấp nhận - Sửa án sơ thẩm công nhận sự thỏa thuận của các đơng sự tại phiên tòa.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Le Thị Tuyết H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Le Thị Tuyết H tự nguyện thỏa thuận nhận chịu án phí dan sự sơ thẩm theo quy định của phap luật.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

QUYẾT ĐỊNH*:*

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Xử: Sửa bản án sơ thẩm số 47/2018/HNGĐ-ST, ngày 25/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố K. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, như sau:

Chị Lê Thị Tuyết H và anh Trần Anh T thỏa thuận ly hôn.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị Lê Thị Tuyết H tự nguyện chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự phúc thẩm. Tổng cộng là 600.000 đồng (*Sáu trăm ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp. Chị H đã nộp đủ án phí.

Bản án này có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (30/10/2018).

Nơi nhận:
- TANDCC Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh K;
- TAND tp.K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Thành Lê